1. **Nội dung ôn tập**

Kết nối mạng

Bài Giao tiếp và tính nhân văn trong ứng xử trên không gian mạng

Bài 1. Làm quen với ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản

Bài 2. Định dạng văn bản và tạo siêu liên kết

Bài 3. Thực hành định dạng văn bản và tạo siêu liên kết

1. **Câu hỏi trắc nghiệm**

**Câu 1:** Giao tiếp đồng bộ qua không gian mạng có nghĩa là gì?

A. Giao tiếp diễn ra trong thời gian thực B. Tin nhắn được lưu trữ để tham khảo sau này

C. Thông tin không được đáp lại ngay lập tức D. Giao tiếp không qua mạng

**Câu 2:**Một trong những lợi ích của lưu trữ thông tin trao đổi qua không gian mạng là gì?

A. Giúp giảm các rào cản và mặc cảm trong giao tiếp ban đầu

B. Dễ dàng lưu trữ và tham khảo lại sau này

C. Giảm sự linh hoạt về thời gian và địa điểm

D. Tăng khả năng bị lộ thông tin cá nhân

**Câu 3:** Vấn đề tiềm ẩn nào sau đây không liên quan đến giao tiếp qua không gian mạng?

A. Hiểu lầm trong giao tiếp văn bản B. Nguy cơ nghiện Internet

C. Tăng cường kỹ năng viết D. Nguy cơ bị rình rập, quấy rối

**Câu 4:** Một trong những vấn đề tiềm ẩn của giao tiếp qua không gian mạng là gì?

A. Dễ dàng hiểu rõ hơn về cảm xúc của người khác B. Tăng cường khả năng sử dụng từ viết tắt

C. Nguy cơ bị rình rập, quấy rối D. Không có nguy cơ nào

**Câu 5:**Tại sao cần thận trọng khi giao tiếp trên không gian mạng?

A. Để tránh mất thời gian B. Để tránh bị lợi dụng hoặc tham gia vào các hoạt động gian lận

C. Để dễ dàng hiểu lầm người khác D. Để giảm kỹ năng giao tiếp

**Câu 6:**Một trong những nguyên tắc của ứng xử nhân văn trên không gian mạng là gì?

A. Mạo danh người khácB. Phát hiện, phê phán sự việc tiêu cực theo cách có văn hóa và đạo đức

C. Tham gia vào các hoạt động gian lận D. Sử dụng ngôn từ thiếu văn minh

**Câu 7:** Ứng xử nhân văn trên không gian mạng có thể góp phần tạo ra điều gì?

A. Một môi trường mạng tiêu cực B. Sự gia tăng của hành vi bắt nạt trực tuyến

C. Một xã hội mạng tích cực D. Tăng nguy cơ lừa đảo trực tuyến

**Câu 8:** Khi tham gia vào cuộc thảo luận trực tuyến, cách nào giúp bảo vệ sự tôn trọng và tính nhân văn?

A. Tham gia vào các cuộc tranh cãi không cần thiết

B. Đưa ra các ý kiến phản bác một cách tích cực và xây dựng

C. Tránh giao tiếp với những người có quan điểm khác

D. Sử dụng ngôn từ xúc phạm khi không đồng ý

**Câu 9:** Mã hóa dữ liệu giúp bảo vệ thông tin trong giao tiếp mạng bằng cách nào?

A. Tăng tốc độ truyền tải B. Đảm bảo thông tin không bị đọc trộm

C. Giảm kích thước dữ liệu D. Tăng cường độ chính xác của dữ liệu

**Câu 10:** Để đảm bảo rằng bạn không vô tình tham gia vào việc lan truyền tin đồn trên mạng cần:

A. Chia sẻ bất kỳ thông tin nào bạn thấy thú vị

B. Xác thực thông tin từ các nguồn đáng tin cậy trước khi chia sẻ

C. Đăng tải tin đồn để tạo sự chú ý

D. Thực hiện chia sẻ mà không kiểm tra nguồn gốc thông tin

**Câu 11:** Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML) được sử dụng chủ yếu để làm gì?

A. Tạo bảng tính B. Tạo trang web C. Lập trình ứng dụng D. Xử lý dữ liệu

**Câu 12:** Trong HTML, dấu “/” trong thẻ có ý nghĩa gì?

A. Đánh dấu phần tử bị lỗi B. Kết thúc thẻ C. Bắt đầu thẻ D. Chỉ thị kiểu chữ

**Câu 13:**Tên thẻ HTML có phân biệt chữ hoa và chữ thường không?

A. Có phân biệt B. Không phân biệt

C. Chỉ phân biệt trong các trình duyệt khác nhau D. Phân biệt trong các phiên bản khác nhau

**Câu 14:** Phần tử nào được sử dụng để xác định phần đầu của một tài liệu HTML?

A. <body> B. <footer> C. <head> D. <header>

**Câu 15:** Thẻ nào trong phần đầu của tài liệu HTML dùng để khai báo tiêu đề của trang web?

A. <title> B. <header> C. <footer> D. <meta>

**Câu 16:** Phần nào của tài liệu HTML chứa nội dung sẽ hiển thị trên màn hình của trình duyệt web?

A. Phần đầu B. Phần chân C. Phần thân D. Phần meta

**Câu 17:** Phần tử nào được sử dụng để xác định phần thân của một tài liệu HTML?

A. <body> B. <footer> C. <head> D. <header>

**Câu 18:** Dòng đầu tiên của văn bản HTML thường là gì?

A. Tiêu đề của trang web B. Chỉ dẫn cung cấp thông tin phiên bản HTML

C. Nội dung của trang web D. Siêu dữ liệu

**Câu 19**: Khi soạn thảo văn bản HTML, bạn nên lưu tệp với định dạng nào?

A. .txt B. .html C. .docx D. .xml

**Câu 20:** Để xem kết quả của tệp HTML, bạn cần làm gì sau khi lưu tệp?

A. Mở tệp bằng trình soạn thảo văn bản B. Mở tệp bằng trình duyệt web

C. Chạy tệp trên máy chủ D. Gửi tệp qua email

**Câu 21:** HTML là viết tắt của:

A. Hypertext Markup Language B. Hyperlink and Text Markup Language

C. Hypertext Multi-language D. Hypertext Media Language

**Câu 22:** Trong các khai báo cấu trúc văn bản HTML sau, khai báo nào đúng cú pháp?

A. *<html><head><title></title></head><body></body></html>*

B. *<html><head></head><body><title></title></body></html>*

C. *<html><head><title><body></body></title> </head></html>*

D.*<html><body><title><head></head></title> </body></html>*

**Câu 23:** Cho các phát biểu sau:

1) Phần tử body dùng để khai báo phần nội dung sẽ hiển thị trên màn hình cửa sổ trình duyệt web.

2) Phần tử head dùng để khai báo thông tin về cấu trúc của trang web.

3) Phần tử title dùng để khai báo tiêu đề và thông tin tác giả soạn trang web.

4) Phần tử html để khai báo cấu trúc và nội dung của trang web.

Số phát biểu đúng về mục đích sử dụng của các phần tử là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 24:** Cho các phát biểu sau:

1) Thẻ HTML thường không có thẻ kết thúc.

2) Tên thẻ HTML không phân biệt chữ hoa và chữ thường.

3) Phần đầu của một tệp HTML được xác định bởi thẻ <head> và </head>.

4) Thẻ <body> chứa các siêu dữ liệu và tiêu đề của trang web.

Số phát biểu đúng về  đặc điểm của ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 25:** Cho các phát biểu sau:

a) Phần đầu của tài liệu HTML thường bao gồm các thẻ <header> và </header>.

b) Tệp HTML thường bắt đầu với chỉ dẫn doctype để chỉ định phiên bản HTML.

c) Nội dung của trang web được hiển thị trong phần <head> của tệp HTML.

d) Để tạo một tệp HTML, có thể sử dụng bất kỳ trình soạn thảo văn bản nào, không nhất thiết phải là Sublime Text.

Số phát biểu đúng về  cấu trúc cơ bản của một tệp HTML là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 26:** Thẻ nào được sử dụng để tạo các đoạn văn bản trên trang web trong HTML?

A. <h1> B. <a> C. <p> D. <div>

**Câu 27:** HTML hỗ trợ bao nhiêu cấp tiêu đề mục từ lớn đến nhỏ?

A. 3 B. 4 C. 5D. 6

**Câu 28:** Phần tử nào trong HTML được sử dụng để in đậm văn bản?

A. <strong> B. <em> C. <mark>D. <p>

**Câu 29:** Phần tử <a> trong HTML được sử dụng để làm gì?

A. Tạo các đoạn văn bản B. Tạo các tiêu đề C. Tạo các siêu liên kết D. Tạo các bảng

**Câu 30:** Thuộc tính nào trong thẻ <a> xác định địa chỉ của tài nguyên web?

A. id B. src C. href D. class

**Câu 31:** Để tạo siêu liên kết đến một phần tử trong cùng trang web, bạn sử dụng cú pháp nào?

A. <a href="http://example.com">B. <a href="#Tên\_định\_danh">

C. <a href="mailto:email@example.com"> D. <a href="tel:123456789">

**Câu 32**: Phần tử nào được sử dụng để làm nổi bật văn bản bằng cách thay đổi định dạng?

A.  B.  C. <mark> D. < p>

**Câu 33:** Trong phần tử a, nếu giá trị URL được viết dưới dạng Giao thức://Tên miền thì khi nháy chuột vào siêu liên kết, trình duyệt sẽ làm gì?

A. Mở trang chủ của tên miền đó B. Hiển thị lỗi

C. Tìm kiếm trên Internet D. Không làm gì

**Câu 34:**Phần tử nào trong HTML được sử dụng để in nghiêng văn bản?

A. B. C.  D. <strong>

**Câu 35:** Các phần tử tiêu đề mục trong HTML được hiển thị với kiểu chữ và kích thước như thế nào?

A. Tất cả đều có cùng kích thước và kiểu chữ

B. Kích thước chữ giảm dần từ <h1> đến <h6> và kiểu chữ in đậm

C. Kích thước chữ tăng dần từ <h1> đến <h6> và kiểu chữ in nghiêng

D. Kích thước chữ không thay đổi và kiểu chữ khác nhau tùy thuộc vào trình duyệt

**Câu 36**: Định danh cho mỗi phần tử trong văn bản HTML theo cú pháp:

A. id = Tên định danhB. id = ”Tên định danh”C. Tên định danh D. id

**Câu 37:** Trong các khai báo tạo siêu liên kết sau, khai báo nào đúng?

A. <a href="trangnhat.html">Trang chu</a>  B. <a href— “trang nhat.html">Trang chủ</a>

C.<a link=“trangnhat.html">Trang chủ</a> D.<a link= “trang nhat.html">Trang chủ</a>

**Câu 38:** Cho các phát biểu sau:

1) Nội dung các tiêu đề mục tạo bởi các phần tử h1, h2, h3, h4, h5, h6 khi hiển thị trên màn hình trình duyệt web đều được in đậm.

*2) Nội dung của phần tử strong không thể chứa phần tử h*

3) Nội dung của phần tử mark khi hiển thị trên màn hình trình duyệt web được tô nền màu xanh.

4) Đoạn văn bản tạo phần tử p được hiển thị trên một đoạn mới khi mở bằng trình duyệt web.

Số phát biểu đúng khi sử dụng các phần tử để định dạng văn bản trên trang web là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 39:** Cho các phát biểu sau:

1) Thẻ <p> được sử dụng để tạo các đoạn văn bản, và mỗi đoạn văn bản được phân tách bằng một khoảng trống giữa các đoạn.

2) Thẻ <p> không thể chứa các phần tử HTML khác mà chỉ dùng để tạo các đoạn văn bản đơn thuần.

3) Trên màn hình trình duyệt, nội dung trong thẻ <p> sẽ được hiển thị trong một đoạn mới với khoảng trống giữa các đoạn văn bản.

4) Thẻ <p> giúp tổ chức nội dung văn bản trên trang web nhưng không ảnh hưởng đến cách hiển thị trên trình duyệt.

Số phát biểu đúng về việc sử dụng thẻ <p> trong HTML để phân đoạn văn bản là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 40:** Cho các phát biểu sau:

1) Thẻ <a> dùng để tạo siêu liên kết với thuộc tính href để xác định địa chỉ của tài nguyên web.

2) Nếu URL trong thuộc tính href không có giao thức (http:// hoặc https://), trình duyệt sẽ không mở trang web mà hiển thị lỗi.

3) Thẻ <a> có thể tạo liên kết đến phần tử trong cùng một trang bằng cách sử dụng cú pháp #Tên\_định\_danh trong thuộc tính href.

4) Thẻ <a> không hỗ trợ liên kết đến các tài nguyên như hình ảnh hoặc âm thanh, chỉ có thể liên kết đến các trang web.

Số phát biểu đúng về việc sử dụng thẻ <a> để tạo siêu liên kết trong HTML:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 41:** Thẻ nào được sử dụng để tạo tiêu đề chính (Heading 1) trong HTML?

A. <h1> B. <h2> C. <h3> D. <h4>

**Câu 42:** Để thêm chú thích vào trong mã HTML, bạn nên sử dụng cặp thẻ nào?

A.  B. <comment> và </comment> C. {! và !} D. /\* và \*/

**Câu 43:** Khi tạo siêu liên kết đến một trang web khác, thuộc tính nào của thẻ <a> cần được sử dụng để chỉ định URL đích?

A. src B. target C. href D. alt

**Câu 44:** Để tạo tiêu đề phụ (Heading 2) trong HTML, bạn sử dụng thẻ nào?

A. <h1>B. <h2>C. <h3> D. <h4>

**Câu 45:** Để hiển thị đúng tiếng Việt trong văn bản HTML, ta khai báo:

A. <meta charset=”utf-8”> B. <meta charset ”utf-8”>

C. <charset=”utf-8”> D. <meta ”utf-8”>

**Câu 46:** Để kiểm tra kết nối mạng sau khi kết nối với Access Point, bạn nên làm gì?

A. Kiểm tra đèn báo hiệu trên Access Point B. Kiểm tra địa chỉ IP

C. Mở trình duyệt web và truy cập vào trang web bất kỳ D. Kiểm tra cài đặt mạng

**Câu 47:** Khi kết nối máy tính với Switch, loại cáp nào được sử dụng?

A. Cáp USB B. Cáp HDMI C. Cáp mạng RJ45 D. Cáp quang

**Câu 48:** Trong quá trình chia sẻ máy in, bạn cần làm gì trên PC-A để máy in có thể được chia sẻ?

A. Chọn Add a printer B. Chọn máy in từ danh sách có sẵn

C. Đặt tên chia sẻ máy in D. Tìm kiếm máy in

**Câu 49:** Để xem chi tiết kết nối mạng trên Windows 10, bạn cần làm gì?

A. Mở Control Panel B. Mở trình duyệt web

C. Kiểm tra địa chỉ IPD. Chọn Network & Internet settings

**Câu 50:** Để kết nối điện thoại thông minh vào mạng di động, bạn cần làm gì?

A. Bật Wi-Fi B. Tắt Wi-Fi

C. Bật Dữ liệu di động D. Kết nối với Access Point

**Câu 51:** Khi kết nối máy tính với Access Point trên Windows 10, bước đầu tiên bạn cần làm gì?

A. Kiểm tra địa chỉ IP B. Nhập mật khẩu mạng Wi-Fi

C. Chọn tên mạng Wi-Fi D. Mở trình duyệt web

**Câu 52:**Khi kết nối máy tính với Switch, dấu hiệu nào cho thấy kết nối vật lý đã thành công?

A. Đèn báo hiệu trên cổng sáng B. Máy tính khởi động lại

C. Địa chỉ IP thay đổi D. Tự động mở trình duyệt web

**Câu 53:** Để kết nối điện thoại thông minh vào Access Point, bạn cần thực hiện bước nào sau đây đầu tiên?

A. Mở trình duyệt web B. Chọn mạng cần kết nối

C. Bật Wi-Fi trong cài đặt D. Nhập mật khẩu mạng

**Câu 54:** Khi chia sẻ dữ liệu từ PC-A, để cấp quyền truy cập cho mọi người, bạn cần chọn quyền nào trong hộp thoại Permissions for D?

A. Full Control B. Read Only C. Change D. Write

**Câu 55:** Bước đầu tiên để kết nối PC-B với máy in được chia sẻ từ PC-A là gì?

A. Mở Control Panel trên PC-B B. Tìm kiếm máy in bằng tên

C. In thử một trang tài liệu D. Chọn Add a printer

**Câu 56:** Phiên bản nào không phải của giao thức IP?

A. IPv4B. IPv5+ C. IPv6 D. IPv4+

**Câu 57:** Hệ thống tên miền DNS có chức năng gì?

A. Chuyển đổi tên miền thành địa chỉ IP B. Gửi và nhận thư điện tử

C. Chia dữ liệu thành gói tin D. Đảm bảo độ tin cậy truyền dữ liệu

**Câu 58:** Tên miền cấp cao nhất (TLD) thường là gì?

A. Phần đuôi sau cùng của tên miền B. Phần đầu của tên miền

C. Một phần của địa chỉ IP D. Một loại giao thức mạng

**Câu 59:** Tên miền cấp ba là gì?

A. Tên miền phụ của một tên miền cấp hai B. Tên miền chính

C. Một phần của địa chỉ IP D. Một loại giao thức mạng

**Câu 60:**Giao thức HTTP được sử dụng để làm gì?

A. Truyền tải dữ liệu của các trang web B. Quản lý và định tuyến gói tin trên mạng

C. Gửi và nhận thư điện tử D. Chia dữ liệu thành các gói tin

🙞Hết🙜